

THỦ KHOA TOÀN TRƯỞNG NĂM 2023						
STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	KHOİ
1	2331520115	HÀ LÂM DANH	NHÂN	Nam	13/03/2005	A01
THỦ KHOA TỪNG NGÀNH NĂM 2023						
1	2331710150	ĐẶNG DƯƠNG THỦY	TIÊN	Nữ	26/10/2005	D07
2	2331720355	Trần Quang	Cường	Nam	23/12/2005	D15
3	2331740176	VÕ THỊ NHƯ	QUỲNH	Nữ	17/09/2005	D01
4	2331520017	PHẠM HỒNG ĐỨC	ANH	Nam	09/06/2005	A01
5	2331540018	NGUYỄN DƯƠNG SƠN	TÙNG	Nam	27/10/2005	D07
6	2331730084	PHẠM THỊ MINH	XUÂN	Nữ	25/10/2005	D14
7	2331310051	NGÔ GIA	HUY	Nam	10/01/2005	D15
8	2331320178	TÔ VÕ NHỰT	ĐỒ	Nam	02/02/2005	D14
9	2331510042	Đình Trần Đạt	Hải	Nam	09/12/2005	A00
10	2331530028	LƯƠNG NGUYỄN ANH	KHOA	Nam	06/11/2005	D07
11	2331550004	VÕ HOÀNG	THANH	Nam	22/09/2005	A00
Sinh viên đạt điểm cao trong kỳ thi THPT năm 2023 (trên 26,0)						
1	2331710114	NGUYỄN NGỌC	SAPHIDAN	Nữ	26/08/2005	A01
2	2331710124	MAI ĐÌNH	KHÔI	Nam	02/01/2005	A01
3	2331710101	HUỲNH NGỌC TÚ	ANH	Nữ	15/09/2005	D07
4	2331710126	TRỊNH PHƯƠNG	THẢO	Nữ	15/11/2005	D01
5	2331710103	NGÔ QUANG	LÂM	Nam	18/09/2005	D07
6	2331710080	NGUYỄN MINH	PHƯƠNG	Nam	05/06/2005	A00
7	2331710054	PHẠM MINH	PHÚ	Nam	09/10/2005	A01
8	2331710070	PHAN ĐỖ AN	DIỂM	Nữ	27/03/2005	D01
9	2331710045	LÊ PHẠM MINH	NGÂN	Nữ	18/12/2005	D01
10	2331520017	PHẠM HỒNG ĐỨC	ANH	Nam	09/06/2005	A01
11	2331710058	NGUYỄN MINH	THỂ	Nam	30/12/2005	D01
12	2331720006	TRẦN ĐẶNG THỦY	DUNG	Nữ	23/06/2005	D01
13	2331720268	Hà Đỗ Đức	Huy	Nam	07/07/2005	D14
14	2331740176	VÕ Thị Như	Quỳnh	Nữ	17/09/2005	D01
Sinh viên đạt thành tích HSG cấp quốc gia						
1	2331740061	Trần Thị Tường	Viên	Nữ	23/01/2005	A01

NGÀNH	ĐIỂM XT	PTXT	Dân tộc
Kỹ thuật Hàng không	27,39	Thi THPT Quốc gia	Kinh
Quản lý hoạt động bay	27,10	Thi THPT Quốc gia	Kinh
Ngôn ngữ Anh	26,85	Thi THPT Quốc gia	Kinh
Kinh tế vận tải	26,46	Thi THPT Quốc gia	Kinh
Kỹ thuật Hàng không	26,03	Thi THPT Quốc gia	Kinh
Công nghệ thông tin	25,98	Thi THPT Quốc gia	Kinh
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	25,37	Thi THPT Quốc gia	Kinh
Quản trị kinh doanh	25,35	Thi THPT Quốc gia	Kinh
Quản trị nhân lực	24,73	Thi THPT Quốc gia	Kinh
Công nghệ KT điện tử - viễn thông	23,71	Thi THPT Quốc gia	Kinh
Công nghệ KT điều khiển và tự động hóa	23,37	Thi THPT Quốc gia	Kinh
CNKT công trình xây dựng	21,00	Thi THPT Quốc gia	Kinh
Quản lý hoạt động bay	27,05	Thi THPT Quốc gia	Chăm
Quản lý hoạt động bay	26,85	Thi THPT Quốc gia	Kinh
Quản lý hoạt động bay	26,67	Thi THPT Quốc gia	Tày
Quản lý hoạt động bay	26,32	Thi THPT Quốc gia	Kinh
Quản lý hoạt động bay	26,23	Thi THPT Quốc gia	Kinh
Quản lý hoạt động bay	26,21	Thi THPT Quốc gia	Kinh
Quản lý hoạt động bay	26,14	Thi THPT Quốc gia	Kinh
Quản lý hoạt động bay	26,12	Thi THPT Quốc gia	Kinh
Quản lý hoạt động bay	26,09	Thi THPT Quốc gia	Kinh
Quản lý hoạt động bay	26,03	Thi THPT Quốc gia	Kinh
Kỹ thuật Hàng không	26,03	Thi THPT Quốc gia	Kinh
Ngôn ngữ Anh	26,23	Thi THPT Quốc gia	Kinh
Ngôn ngữ Anh	26,25	Thi THPT Quốc gia	Thổ
Kinh tế vận tải	26,46	Thi THPT Quốc gia	Kinh
Kinh tế vận tải		HSG cấp quốc gia giải 3 Địa lý	

